

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BKHĐT ngày 20/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn ngành kế hoạch, đầu tư và thống kê;

Căn cứ Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2577/SKHĐT-ĐTGS ngày 07/7/2023 và ý kiến trình của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3044/TTr-SNV ngày 18/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận (trên cơ sở Đề án số 2576/ĐA-SKHĐT ngày 07/7/2023 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư), với các nội dung như sau:

1. Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm của Sở Kế hoạch và Đầu tư, gồm 41 vị trí việc làm, cụ thể: 06 vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; 22 vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; 10 vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành và 03 vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (theo Phụ lục 01 đính kèm).

2. Bản Mô tả công việc của từng vị trí việc làm: Thống nhất với Bản Mô tả công việc của từng vị trí việc làm kèm theo Đề án số 2576/ĐA-SKHĐT ngày 07/7/2023 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phê duyệt Bản Mô tả công việc của từng vị trí việc làm theo thẩm quyền ngay sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Phê duyệt Khung năng lực vị trí việc làm đối với 41 vị trí việc làm của Sở Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể:

a) Khung năng lực đối với 06 vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; 22 vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; 03 vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (theo Phụ lục 02 đính kèm);

b) Khung năng lực đối với 10 vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành (theo Phụ lục 03 đính kèm).

4. Phê duyệt Cơ cấu ngạch công chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư (không bao gồm công chức đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý), cụ thể như sau:

- Công chức ngạch Chuyên viên chính hoặc tương đương: tỷ lệ 30%;

- Công chức ngạch Chuyên viên hoặc tương đương: tỷ lệ 70%;

(Chi tiết theo Phụ lục 04 đính kèm).

Điều 2. Áp dụng Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc, Khung năng lực vị trí việc làm và Cơ cấu ngạch công chức

1. Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc, Khung năng lực vị trí việc làm và Cơ cấu ngạch công chức của từng vị trí việc làm được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này là cơ sở khoa học để sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, phân công nhiệm vụ và thực hiện các chế độ chính sách đối với đội ngũ công chức thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư theo biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm và theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình triển khai, thực hiện, trường hợp có phát sinh, vướng mắc hoặc có quy định, hướng dẫn mới của Trung ương về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức hoặc có quy định điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quyết định của cấp có thẩm quyền; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư kịp

thời phối hợp Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, VXNV. ĐND

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Nam

PHỤ LỤC 1

Danh mục vị trí việc làm tại Sở Kế hoạch và Đầu tư
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	
1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính trở lên
2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính trở lên
3	Chánh thanh tra	Thanh tra viên/ Chuyên viên trở lên
4	Trưởng phòng	Chuyên viên trở lên
5	Phó Chánh thanh tra	Thanh tra viên/ Chuyên viên trở lên
6	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên trở lên
II	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
3	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn, thư	Thanh tra viên
4	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn, thư	Chuyên viên
5	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên
6	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên
7	Thanh tra viên về thanh tra phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên
8	Chuyên viên về thanh tra phòng, chống tham nhũng	Chuyên viên
9	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
10	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
11	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
12	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên
13	Chuyên viên về thi đua khen thưởng	Chuyên viên
14	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Chuyên viên
15	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
16	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức
17	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên
18	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
19	Văn thư viên	Văn thư viên/ Chuyên viên
20	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
21	Kế toán viên	Kế toán viên
22	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành	
1	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên
5	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	Chuyên viên
6	Chuyên viên chính về quản lý đấu thầu	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	Chuyên viên
8	Chuyên viên chính về doanh nghiệp	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên về doanh nghiệp	Chuyên viên
10	Chuyên viên về kinh tế tập thể, hợp tác xã	Chuyên viên
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	
1	Nhân viên Lái xe	HĐLĐ
2	Nhân viên Bảo vệ	HĐLĐ
3	Nhân viên Phục vụ	HĐLĐ

PHỤ LỤC 2

Bảng tổng hợp khung năng lực đối với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Tên vị trí việc làm	Nhóm năng lực chung							Nhóm năng lực chuyên môn					Nhóm năng lực quản lý				
		Đạo đức và bản lĩnh	Tổ chức thực hiện công việc	Soạn thảo và ban hành văn bản	Giao tiếp ứng xử	Quan hệ phối hợp	Sử dụng công nghệ thông tin	Sử dụng ngoại ngữ	Tham mưu xây dựng các văn bản	Hướng dẫn thực hiện các văn bản	Kiểm tra việc thực hiện các văn bản	Thẩm định văn bản	Khả năng thực hiện hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	Tư duy chiến lược	Quản lý sự thay đổi	Ra quyết định	Quản lý nguồn lực	Phát triển nhân viên
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý																	
1	Giám đốc Sở	3-4	3-4	3-4	3-4	3-4	2	1	5	5	5	5	5	3-4	3-4	3-4	3-4	3-4
2	Phó Giám đốc Sở	3-4	3-4	3-4	3-4	3-4	2	1	4	4	4	4	4	3-4	3-4	3-4	3-4	3-4
3	Chánh thanh tra	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	3	3	3	3	3	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3
4	Trưởng phòng	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	3	3	3	3	3	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3
5	Phó Chánh thanh tra	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	3	3	3	3	3	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3
6	Phó Trưởng phòng	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	3	3	3	3	3	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3

Stt	Tên vị trí việc làm	Nhóm năng lực chung							Nhóm năng lực chuyên môn					Nhóm năng lực quản lý				
		Đạo đức và bản lĩnh	Tổ chức thực hiện công việc	Soạn thảo và ban hành văn bản	Giao tiếp ứng xử	Quan hệ phối hợp	Sử dụng công nghệ thông tin	Sử dụng ngoại ngữ	Tham mưu xây dựng các văn bản	Hướng dẫn thực hiện các văn bản	Kiểm tra việc thực hiện các văn bản	Thẩm định văn bản	Khả năng thực hiện hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	Tư duy chiến lược	Quản lý sự thay đổi	Ra quyết định	Quản lý nguồn lực	Phát triển nhân viên
II	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung																	
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	3-4	3-4	3-4	3-4	3-4	2	1	3-4	3-4	3-4	3-4	3-4	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3
2	Thanh tra viên về công tác thanh tra	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
3	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn, thư	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
4	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn, thư	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
5	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
6	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
7	Thanh tra viên về thanh tra phòng, chống tham nhũng	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
8	Chuyên viên về thanh tra phòng, chống tham nhũng	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
9	Chuyên viên về pháp chế	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
10	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2

Stt	Tên vị trí việc làm	Nhóm năng lực chung							Nhóm năng lực chuyên môn					Nhóm năng lực quản lý				
		Đạo đức và bản lĩnh	Tổ chức thực hiện công việc	Soạn thảo và ban hành văn bản	Giao tiếp ứng xử	Quan hệ phối hợp	Sử dụng công nghệ thông tin	Sử dụng ngoại ngữ	Tham mưu xây dựng các văn bản	Hướng dẫn thực hiện các văn bản	Kiểm tra việc thực hiện các văn bản	Thẩm định văn bản	Khả năng thực hiện hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	Tư duy chiến lược	Quản lý sự thay đổi	Ra quyết định	Quản lý nguồn lực	Phát triển nhân viên
11	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
12	Chuyên viên về cải cách hành chính	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
13	Chuyên viên về thi đua khen thưởng	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
14	Chuyên viên về công nghệ thông tin	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
15	Chuyên viên về tổng hợp	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
16	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
17	Chuyên viên về truyền thông	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
18	Chuyên viên về quản trị công sở	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
19	Văn thư viên	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
20	Chuyên viên về lưu trữ	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
21	Kế toán viên	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
22	Chuyên viên thủ quỹ	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2

Stt	Tên vị trí việc làm	Nhóm năng lực chung							Nhóm năng lực chuyên môn					Nhóm năng lực quản lý				
		Đạo đức và bản lĩnh	Tổ chức thực hiện công việc	Soạn thảo và ban hành văn bản	Giao tiếp ứng xử	Quan hệ phối hợp	Sử dụng công nghệ thông tin	Sử dụng ngoại ngữ	Tham mưu xây dựng các văn bản	Hướng dẫn thực hiện các văn bản	Kiểm tra việc thực hiện các văn bản	Thẩm định văn bản	Khả năng thực hiện hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	Tư duy chiến lược	Quản lý sự thay đổi	Ra quyết định	Quản lý nguồn lực	Phát triển nhân viên
III	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ																	
	Tên vị trí việc làm	Nhóm năng lực chung					Nhóm năng lực chuyên môn					Nhóm năng lực quản lý						
		Đạo đức và bản lĩnh	Tổ chức thực hiện công việc	Giao tiếp ứng xử	Quan hệ phối hợp	Sử dụng ngoại ngữ	Khả năng làm việc độc lập	Khả năng triển khai nhiệm vụ	Khả năng hướng dẫn thực hiện nghiệp vụ	Quản lý sự thay đổi	Ra quyết định							
1	Nhân viên Bảo vệ	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1				
2	Nhân viên Lái xe	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1				
3	Nhân viên phục vụ	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1				

PHỤ LỤC 3

**Bảng tổng hợp khung năng lực đối với vị trí việc làm
công chức nghiệp vụ chuyên ngành tại Sở Kế hoạch và Đầu tư**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên vị trí việc làm	Nhóm năng lực chung							Nhóm năng lực chuyên môn					Nhóm năng lực quản lý				
		Đạo đức và bản lĩnh	Tổ chức thực hiện công việc	Soạn thảo và ban hành văn bản	Giao tiếp ứng xử	Quan hệ phối hợp	Sử dụng công nghệ thông tin	Sử dụng ngoại ngữ	Tham mưu xây dựng các văn bản	Hướng dẫn thực hiện các văn bản	Kiểm tra việc thực hiện các văn bản	Thẩm định văn bản	Khả năng thực hiện hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	Tư duy chiến lược	Quản lý sự thay đổi	Ra quyết định	Quản lý nguồn lực	Phát triển nhân viên
1	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế tổng hợp	3-4	3-4	3-4	3-4	3-4	2	1	3-4	3-4	3-4	3-4	3-4	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3
2	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
3	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư	3-4	3-4	3-4	3-4	3-4	2	1	3-4	3-4	3-4	3-4	3-4	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3
4	Chuyên viên về quản lý đầu tư	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
5	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
6	Chuyên viên chính về quản lý đầu thầu	3-4	3-4	3-4	3-4	3-4	2	1	3-4	3-4	3-4	3-4	3-4	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3

STT	Tên vị trí việc làm	Nhóm năng lực chung							Nhóm năng lực chuyên môn					Nhóm năng lực quản lý				
		Đạo đức và bản lĩnh	Tổ chức thực hiện công việc	Soạn thảo và ban hành văn bản	Giao tiếp ứng xử	Quan hệ phối hợp	Sử dụng công nghệ thông tin	Sử dụng ngoại ngữ	Tham mưu xây dựng các văn bản	Hướng dẫn thực hiện các văn bản	Kiểm tra việc thực hiện các văn bản	Thẩm định văn bản	Khả năng thực hiện hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	Tư duy chiến lược	Quản lý sự thay đổi	Ra quyết định	Quản lý nguồn lực	Phát triển nhân viên
7	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
8	Chuyên viên chính về doanh nghiệp	3-4	3-4	3-4	3-4	3-4	2	1	3-4	3-4	3-4	3-4	3-4	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3
9	Chuyên viên về doanh nghiệp	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
10	Chuyên viên về kinh tế tập thể, hợp tác xã	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2	1	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2

PHỤ LỤC 4

Cơ cấu ngạch công chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. Phân bổ biên chế/lao động hợp đồng với từng VTVL:

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Phân bổ biên chế	Phân bổ HĐLĐ
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý		19	
1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính trở lên	01	
2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính trở lên	04	
3	Chánh thanh tra	Thanh tra viên/ Chuyên viên trở lên	01	
4	Trưởng phòng	Chuyên viên trở lên	04	
5	Phó Chánh thanh tra	Thanh tra viên/ Chuyên viên trở lên	01	
6	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên trở lên	08	
II	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		10	
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính	01	
2	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên	01	
3	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn, thư	Thanh tra viên	0,25	
4	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn, thư	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
5	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên	0,25	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Phân bổ biên chế	Phân bổ HĐLĐ
6	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
7	Thanh tra viên về thanh tra phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên	0,25	
8	Chuyên viên về thanh tra phòng, chống tham nhũng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
9	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên	0,25	
10	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên	0,5	
11	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	0,5	
12	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	0,5	
13	Chuyên viên về thi đua khen thưởng	Chuyên viên	0,5	
14	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Chuyên viên	0,5	
15	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	0,5	
16	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	0,5	
17	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên	0,5	
18	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	0,5	
19	Văn thư viên	Văn thư viên/ Chuyên viên	0,5	
20	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	0,5	
21	Kế toán viên	Kế toán viên	01	
22	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên	0,5	
III	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành		17	
1	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên chính	02	
2	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên	03	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Phân bổ biên chế	Phân bổ HDLĐ
3	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư	Chuyên viên chính	03	
4	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên	03	
5	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	Chuyên viên	01	
6	Chuyên viên chính về quản lý đấu thầu	Chuyên viên chính	01	
7	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	Chuyên viên	01	
8	Chuyên viên chính về doanh nghiệp	Chuyên viên chính	01	
9	Chuyên viên về doanh nghiệp	Chuyên viên	01	
10	Chuyên viên về kinh tế tập thể, hợp tác xã	Chuyên viên	01	
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			03 HDLĐ
1	Lái xe	Nhân viên		01 HDLĐ
2	Bảo vệ	Nhân viên		01 HDLĐ
3	Phục vụ	Nhân viên		01 HDLĐ
	TỔNG CỘNG		46 biên chế	03 HDLĐ

B. Tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức của đơn vị theo từng VTVL (không bao gồm VTVL lãnh đạo, quản lý):

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Số lượng biên chế công chức	Tỷ lệ % so với tổng số
II	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		10	
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính	01	3,7%
2	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên	01	3,7%
3	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn, thư	Thanh tra viên	0,25	0,93%
4	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn, thư	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
5	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên	0,25	0,93%

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Số lượng biên chế công chức	Tỷ lệ % so với tổng số
6	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
7	Thanh tra viên về thanh tra phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên	0,25	0,93%
8	Chuyên viên về thanh tra phòng, chống tham nhũng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
9	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên	0,25	0,93%
10	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên	0,5	1,85%
11	Chuyên viên về quản lý nguồn lực	Chuyên viên	0,5	1,85%
12	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	0,5	1,85%
13	Chuyên viên về thi đua khen thưởng	Chuyên viên	0,5	1,85%
14	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Chuyên viên	0,5	1,85%
15	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	0,5	1,85%
16	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	0,5	1,85%
17	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên	0,5	1,85%
18	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	0,5	1,85%
19	Văn thư viên	Văn thư viên/ Chuyên viên	0,5	1,85%
20	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	0,5	1,85%
21	Kế toán viên	Kế toán viên	01	3,7%
22	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên	0,5	1,85%
III	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành		17	
1	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên chính	02	7,4%
2	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên	03	11,1%
3	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư	Chuyên viên chính	03	11,1%

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Số lượng biên chế công chức	Tỷ lệ % so với tổng số
4	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên	03	11,1%
5	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	Chuyên viên	01	3,7%
6	Chuyên viên chính về quản lý đấu thầu	Chuyên viên chính	01	3,7%
7	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	Chuyên viên	01	3,7%
8	Chuyên viên chính về doanh nghiệp	Chuyên viên chính	01	3,7%
9	Chuyên viên về doanh nghiệp	Chuyên viên	01	3,7%
10	Chuyên viên về kinh tế tập thể, hợp tác xã	Chuyên viên	01	3,7%
	TỔNG SỐ		27	100%

C. Cơ cấu ngạch công chức chung của đơn vị (không bao gồm VTVL lãnh đạo, quản lý):

Tên đơn vị	Số lượng công chức	Số lượng/ngạch công chức		Tỷ lệ ngạch công chức
		Số lượng ngạch công chức	Loại ngạch công chức	
Sở Kế hoạch và Đầu tư	27	02	Chuyên viên chính và tương đương	30%
			Chuyên viên và tương đương	70%